

XBP

VL

4476

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI 1999
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ TỈNH ĐỒNG NAI

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

**NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI
HỘI KHOA HỌC LỊCH SỬ TỈNH ĐỒNG NAI
1999**

Chỉ đạo nội dung:

Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa

Trưởng ban chỉ đạo tái bản:

Hồ Văn Sơn, Phó Bí thư thường trực Thành ủy

Biên soạn tái bản:

- **Lê Ánh Vân, Trưởng ban Tuyên giáo Thành ủy**
- **Trần Quang Toại**
- **Trần Toàn**
- **Trần Hồng Tú**
- **Phạm Ngọc Thành**
- **Nguyễn Kim Long**

LỜI NÓI ĐẦU

Thành phố Biên Hòa là đô thị loại hai, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Đồng Nai. Cuộc đấu tranh của Đảng bộ và nhân dân thành phố Biên Hòa trong tiến trình cách mạng giải phóng dân tộc và giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, luôn luôn là một bộ phận không tách rời khỏi cuộc đấu tranh của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh.

Ghi lại lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thành phố Biên Hòa vừa là nhiệm vụ, vừa là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân thành phố muốn được hiểu biết và nâng thêm tự hào với truyền thống đấu tranh kiên cường của địa phương mình, để ra sức phấn đấu vượt mọi khó khăn, gian khổ, tiếp tục xây dựng quê hương ngày thêm giàu đẹp, văn minh.

Với mục đích đó, Ban Thường vụ Thành ủy chủ trương cho biên soạn quyển lịch sử Đảng bộ thành phố Biên Hòa. Quyển sách dựa trên cơ sở quyển “55 năm thành phố Biên Hòa” được phát hành năm 1988, đồng thời có chỉnh lý, bổ sung thêm nhiều tư liệu thành văn cùng các hồi ký, ký ức của nhiều cán bộ lão thành cách mạng và các cơ sở quần chúng từng ham gia hai thời kỳ kháng chiến trên chiến trường Biên Hòa.

Quyển sách gồm có 4 phần: phần mở đầu; phần I : Nêu lên quá trình thành lập Đảng và Cách mạng Tháng Tám; phần II : Cuộc kháng chiến chống Pháp; phần III : Cuộc kháng chiến chống Mỹ phần IV : Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết luận và phụ lục. Toàn bộ quyển sách được tổ chức làm 9 chương viết theo tiến trình lịch sử của thành phố.

Để có thể tái bản được quyển sách, chúng tôi được sự giúp đỡ tích cực của Hội Khoa học lịch sử tỉnh Đồng Nai, nhà xuất bản Đồng Nai, các đồng chí nguyên là thành viên trong Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Biên Hòa qua các thời kỳ cùng đồng đảo cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và cơ sở quần chúng cách mạng từng chiến đấu, hy sinh trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc.

Quyển sách đã cố gắng tái hiện lại quá trình hình thành và phát triển của Đảng bộ thành phố trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và thống nhất đất nước; những sự kiện lịch sử, những tấm gương tiêu biểu cho tinh thần tự lực tự cường và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm, đồng thời cũng thể hiện những nỗ lực và thành quả đạt được của Đảng bộ và nhân dân thành phố trong công cuộc xây dựng là bảo vệ tổ quốc từ sau mùa xuân đại thắng 1975; bước đầu nêu những bài học cần thiết cho quá trình phát triển đi lên của thành phố Biên Hòa.

Viết lịch sử là một quá trình tiếp cận với chân lý. Ban biên soạn đã có nhiều cố gắng thể hiện một cách trung thực, khách quan những sự kiện, nhân vật lịch sử của thành phố. Tuy nhiên do những hạn chế về trình độ, tư liệu bị thất thoát, việc lưu trữ không còn đầy đủ, nên quyển sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Chúng tôi rất mong được đón nhận những ý kiến đóng góp xây dựng của cán bộ và nhân dân thành phố cũng như ở tỉnh nhà để những lần tái bản sau, quyển sử sẽ được thể hiện hoàn chỉnh hơn.

*Với tinh thần đó, thay mặt Ban Thường vụ Thành ủy Biên Hòa, chúng tôi xin chân thành cảm ơn các cơ quan, các đồng chí đã giúp đỡ chúng tôi trong quá trình chỉnh đốn, bổ sung, để tác phẩm được tái bản, và xin trân trọng giới thiệu quyển sách **“LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ BIÊN HÒA”** với quý độc giả*

T.M BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY BIÊN HÒA

BÍ THƯ

TRẦN TÙNG KHƯƠNG

PHẦN MỞ ĐẦU

THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Thành phố Biên Hòa là tỉnh lỵ của tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Hồ Chí Minh 30 km về phía đông; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học kỹ thuật của tỉnh. Tháng 5-1993, thành phố được Nhà nước công nhận là đô thị loại II, có cơ cấu kinh tế công nghiệp - thương mại - dịch vụ và du lịch; cùng thành phố Hồ Chí Minh - Bà Rịa - Vũng Tàu được xác định là khu vực trọng điểm kinh tế ở phía Nam Tổ quốc

Phía bắc thành phố giáp với huyện Vĩnh Cửu; nam và tây nam giáp huyện Long Thành và huyện Thủ Đức thành phố Hồ Chí Minh; đông giáp huyện Thống Nhất; tây giáp huyện Thuận An và huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương)

Thành phố Biên Hòa hiện có diện tích 154,73 km² với dân số 45 vạn người, người Kinh chiếm 95%, còn lại là các dân tộc Hoa, Nùng Thành phố có 26 đơn vị hành chính cấp cơ sở gồm 23 phường và 3 xã:

Các phường: An Bình, Bình Đa, Bửu Hòa, Bửu long, Hòa Bình, Hồ Nai, long Bình, long Bình Tân, Quang Vinh, Quyết Thắng, Tam Hiệp, Tam Hòa, Tân Biên, Tân Hiệp, Tân Hòa, Tân Mai, Tân Phong, Tân Tiến, Tân Vạn, Thanh Bình Thống Nhất, Trảng Dài, Trung Dũng

Các xã: Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh Thành phố Biên Hòa thuộc khu vực nhiệt đới gió mùa, mỗi năm có hai mùa: mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 11, mùa nắng từ tháng 12 đến tháng 4 năm sau; nhiệt độ bình quân hàng năm 27°C, ẩm độ bình quân 79 %năm.

Thành phố là cửa ngõ phía đông Sài Gòn, nằm trên những giao lộ quan trọng nối liền thành phố Hồ Chí Minh ra cực Nam Trung bộ, lên Tây nguyên như quốc lộ số 1, quốc lộ 51, xa lộ Hà Nội, đường sắt Bắc - Nam, đường sông Đồng Nai; các liên tỉnh lộ số 16, 24...

Thành phố có trên 80 cơ quan, đơn vị, ban ngành của Trung ương, quân khu 7 và địa phương cùng đứng chân hoạt động. Trong tiến trình đi lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thành phố Biên Hòa có các khu công nghiệp lớn thu hút đông đảo các nhà đầu tư trong

và ngoài nước đến xây dựng các cơ sở sản xuất chế biến tại khu công nghiệp Biên Hòa I, khu công nghiệp Biên Hòa II, Amata, Loteco, Hồ Nai...

Với những di chỉ khảo cổ học đã được phát hiện, khai quật ở Bình Đa (1979), Gò Me phường Thống Nhất (1982)... các nhà khảo cổ bước đầu xác định thành phố Biên Hòa đã từng là điểm quần cư của người Đồng Nai xưa ở vào thời đại đồ đá mài chuyển sang thời đại đồ đồng cách nay từ 2.500 đến 3.000 năm

Các hồ thám sát ở Bình Đa, Gò Me với những công cụ bằng đá đẽo, những mảnh xương thú, những mảnh gốm nung... cho biết người xưa ở vùng đất này đã biết chế tác công cụ lao động, làm ra những công cụ bằng đất nung để phục vụ đời sống. Đặc biệt đàn đá Bình Đa lần đầu tiên được phát hiện ngay trong tầng văn hóa khảo cổ, cho thấy cư dân cổ ở đây có đời sống tinh thần khá phong phú bằng cách tạo ra từ đá basalte những dụng cụ phát ra âm thanh. Nhờ vào di chỉ đàn đá Bình Đa, với niên đại từ 2.500 - 3.000 năm nằm trong tầng văn hóa, các nhà khảo cổ, nghiên cứu âm nhạc có thể đoán định được tuổi của các bộ đàn đá khác như Khánh Sơn, Phú Yên...

Trải qua những biến thiên của lịch sử tự nhiên, vào thế kỷ 16, 17, thành phố Biên Hòa vẫn là vùng đất hoang vu, rừng rậm, sinh lầy. Có thể nói đó là vùng đất mới, chưa hẳn thuộc quyền quản lý của một bộ tộc hay vương quốc nào. Trong tác phẩm *Phủ Biên tạp lục* do nhà sử học Lê Quý Đôn viết vào thế kỷ 18 đã ghi rõ: “*Ở phủ Gia Định, đất Đồng Nai từ cửa biển Cần Giờ, Soai Rạp, Cửa Đại, Cửa tiểu trở vào là rừng rậm hàng ngàn dặm...*”

Thế kỷ 16, 17, lưu dân Việt từ Đàng Ngoài đã vào đây sinh sống. Họ là những nông dân chống đối chế độ bóc lột của các triều đại vua quan phong kiến; những người chống đối cuộc chiến tranh cát cứ của hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn...

Năm 1679, Trần Thắng Tài (tức Trần Thượng Xuyên) một di thần nhà Minh (Trung Quốc), sau khi thất bại trong mưu đồ “bài Mãn phục Minh” đã đưa 3.000 bộ tướng và gia đình theo đường biển xuôi về phương Nam. Nhóm người Hoa này đã được chúa Nguyễn Phúc Tần cho phép định cư ở xứ Đồng Nai. Họ vào Cù lao Phố cùng với người Việt đã sinh sống ở đây từ trước, chung tay

khai phá, xây dựng nên làng xóm, biến nơi đây thành một phố cảng sầm uất, trên bến dưới thuyền, tàu bè trong và ngoài nước đến trao đổi hàng hóa, mua bán tấp nập. Trong gần một thế kỷ, Cù lao Phố là một thương cảng, một đầu mối giao lưu hàng hóa quan trọng bậc nhất ở xứ Đàng Trong. Sách Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức ghi: (...*Phố xá được kiến thiết, mái ngói tường vôi, lầu cao quá đôi tầng dọc theo bờ sông liên lạc dài 5 dặm, chia và vạch làm 3 đường phố, phố lớn lót đá trắng, đường phố ngang lót đá ong, đường nhỏ lót gạch xanh; đường rộng bằng phẳng, kẻ buôn tụ tập, ghe thuyền lớn ở biển và ở sông đến đâu có những xà lan, ấy là chỗ đại đô hội, những nhà buôn bán to, duy ở đây là nhiều hơn*”).

Năm Mậu Dần 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu cử chương cơ lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đàng Trong. Ông lập bản doanh tại Cù lao Phố và tiến hành việc tổ chức bộ máy hành chính, phân định làng, xã, lập sổ đinh... chính thức đưa xứ Đàng Trong vào bản đồ nước Đại Việt. Đông đảo người Việt từ Ngũ Quảng tức 5 tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức - tức Thừa Thiên Huế, nhiều người có tài, vật lực được kêu gọi vào vùng đất mới khai khẩn, sinh sống. Đây là đợt di dân có tổ chức đầu tiên quy mô lớn từ các tỉnh trên vào khai phá và xây dựng cuộc sống, định cư trên đất Đồng Nai.

Xứ Đồng Nai được lập thành phủ Gia Định gồm hai huyện Tân Bình (nay là Sài Gòn) và huyện Phước Long (nay là Biên Hòa - Đồng Nai). Về quân sự, Nguyễn Hữu Cảnh lập hai dinh: Dinh Trấn Biên ở huyện Phước Long và Dinh Phiên Trấn ở huyện Tân Bình.

Các chúa Nguyễn đã ban hành chính sách khẩn hoang rộng rãi, tạo điều kiện để nhân dân từ các nơi vào vùng đất mới khai phá, góp phần làm vùng đất này ngày càng phát triển.

Năm 1788, Nguyễn Ánh chia đất Gia Định làm 4 trấn gồm: Trấn Biên, Phiên Trấn, Vĩnh Trấn, Trấn Dinh. Năm 1808, Trấn Biên đổi thành trấn Biên Hòa, huyện Phước Long nâng lên thành phủ Phước Long gồm 4 tổng: Phước Chánh, Bình An, long Thành, Phước An. Thành phố Biên Hòa bây giờ là một phần của tổng Phước Chánh - trung tâm của trấn Biên Hòa.

Năm 1832, vua Minh Mạng thống nhất việc tổ chức đơn vị hành chính trong cả nước Trấn Biên Hòa đổi tên thành tỉnh Biên Hòa gồm 1 phủ, 4 huyện (gồm toàn bộ phủ Phước Long với huyện như năm 1808). Thành phố Biên Hòa lúc ấy nằm trong huyện Phước Chánh sau khi nâng tổng lên thành huyện.

Từ năm 1863, sau khi đánh chiếm ba tỉnh miền Đông, thực dân Pháp vẫn giữ nguyên tổ chức hành chính tỉnh Biên Hòa như năm 1832.

Theo tài liệu Tòa bố Biên Hòa năm 1923, thành phố Biên Hòa ngày nay gồm địa lý hành chính gồm của các làng thuộc 4 tổng như sau :

*** Tổng Phước Vĩnh Thượng:**

- Làng Bình Trước có 8 ấp : Tân Lâm, Tân Thành, Tân Thị, Phước Lư, Vĩnh Thanh, Bàu Hang, Đồng Lách, Sông Mây.

- Làng Bình An có hai ấp : Bình Đa, An Hảo

- Làng Nhị Hòa có 3 ấp : Bình Kính, Tân Mỹ, Thành Hưng

- Làng Tam Hòa có 4 ấp : Bình Hòa, Bình Quan, Hòa Quới, Long Quới

- Làng Nhứt Hòa có 4 ấp : Bình Tự, Bình Xương, Tân Giám, Hưng Phú (về sau, 3 làng Nhất Hòa, Nhị Hòa, Tam Hòa sáp nhập lại thành làng Hiệp Hòa - tức trọn vùng Cù Lao Phố)

- Làng Tân lại:

- Làng Vĩnh Cửu

*** Tổng Phước Vĩnh Trung :**

- Làng Bửu Long có hai ấp : Bình Điện, Bạch Khôi

- Làng Tân Phong

*** Tổng Long Vĩnh Thượng :**

- Làng An Hòa (Bến Gỗ), làng Long Bình, làng Long Hưng.

*** Tổng Chánh Mỹ Thượng :**

- Làng Mỹ Khánh

- Làng Tân Hạnh, làng Tân Vạn.

Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, chính quyền nhân dân tại Biên Hòa được xây dựng từ tỉnh đến cơ sở, đồng loạt thay thế bộ máy cai trị do thực dân Pháp để lại. Khi ấy các cơ quan lãnh đạo tỉnh Biên Hòa và quận Châu Thành vẫn đặt tại xã Bình Trước (trung tâm tỉnh lỵ). Thực dân Pháp chiếm Biên Hòa (24-10- 1945), chúng giữ nguyên tổ chức hành chính, xã Bình Trước gồm có 5 khu, 8 ấp.

Đối với cách mạng, giữa năm 1948, nhận thấy nội ô tỉnh Biên Hòa là nơi tập trung nhiều cơ quan, đơn vị chỉ huy đầu sỏ cùng rất nhiều kho tàng của địch, cần bố trí lại địa bàn chiến đấu thích hợp để phát huy khả năng tác chiến của lực lượng tại chỗ, Tỉnh ủy, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Biên Hòa chủ trương cho tách khu vực nội ô tỉnh lỵ, thuộc quận Châu Thành (tức xã Bình Trước và một số ấp, xã lân cận) để thành lập thị xã Biên Hòa - tương đương cấp huyện, và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của tỉnh. Các xã còn lại thuộc huyện Vĩnh Cửu

Tháng 5-1951, khi tỉnh Thủ Biên thành lập, thị xã Biên Hòa được tỉnh giao thêm một số xã thuộc huyện Vĩnh Cửu để làm bàn đạp đứng chân hoạt động như Tam Hiệp, Hiệp Hòa, Tân Thành cho đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (tháng 7-1954).

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, năm 1957, chính quyền Sài Gòn tổ chức tỉnh Biên Hòa gồm có 4 quận : Châu Thành, Long Thành, Tân Uyên, Dĩ An, có 11 tổng, gần giống tổ chức trước đó của thực dân Pháp.

Năm 1963, chính quyền Sài Gòn lập quận Công Thành (gồm các xã thuộc quận Châu Thành và Tân Uyên). Ngày 22-3-1963, tổ chức quận Châu Thành thành quận Đức Tu gồm các xã : Bình Trước, Tam Hiệp, Bù Tiêng (Tân Mai), Hiệp Hòa, Tân Vạn, Bửu Long, Tân Hạnh, Tân Ba, Long Bình và giữ đến tháng 4-1975.

Đối với cách mạng, từ 1954-1975, thị xã Biên Hòa là một đơn vị chiến trường tương đương huyện. Tháng 9-1965, thị xã Biên Hòa được Trung ương Cục tổ chức lại thành đơn vị ngang cấp tỉnh lấy phiên hiệu là U1 (U một) bao gồm địa bàn thị xã Biên Hòa và huyện Vĩnh Cửu. Đến tháng 10-1967, chuẩn bị cho cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, U1 được giao thêm huyện Trảng Bom nay là huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai).

Từ tháng 5-1971 đến tháng 10-1972, thị xã Biên Hòa trực thuộc phân khu 5 (phân khu Thủ Biên). Tháng 10-1972 Khu ủy miền Đông được lập lại, các phân khu giải thể để lập lại các tỉnh. Thị xã Biên Hòa là một đơn vị trực thuộc tỉnh Biên Hòa.

Đến tháng 6-1973, do tính chất quan trọng của vùng đô thị, Trung ương Cục miền Nam quyết định tách tỉnh Biên Hòa thành hai địa bàn chiến lược: Biên Hòa đô thị (gồm thị xã Biên Hòa và một số vùng phụ cận); các huyện còn lại trong tỉnh thuộc Biên Hòa nông thôn. Cũng từ đó, thị xã Biên Hòa được nâng lên thành thành phố Biên Hòa cho đến ngày nay.

Như vậy từ một làng, một xã ở vị trí trung tâm tỉnh lỵ, xã Bình Trước được kết hợp với một số xã áp liền ranh hình thành nên thị xã, rồi tiến dần lên thành phố đô thị loại II như ngày nay, thể hiện sức sống và sự phát triển không ngừng của thành phố Biên Hòa. Tiến trình đó cũng cho thấy vai trò vị trí quan trọng của thành phố này trong thời kỳ kháng chiến cũng như trong xây dựng hòa bình và đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

* *

*

Trong tiến trình lịch sử, thành phố Biên Hòa luôn có một vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị. Thế kỷ 17, 18, Biên Hòa có Cù lao Phố (xã Hiệp Hòa ngày nay) từng là một trung tâm kinh tế, phát triển ở phía Nam nước ta.

Dựa vào nhân - tài - vật lực nơi đây, các chúa Nguyễn xây dựng thế đứng chân lâu dài để chống lại thế lực của chúa Trịnh ở phía Bắc. Từ cuối thế kỷ 18, đây cũng là vùng tranh chấp quyết liệt giữa quân của chúa Nguyễn với nghĩa quân Tây Sơn.

Năm 1861, đại đồn Chí Hòa (Sài Gòn) thất thủ, Nguyễn Tri Phương rút quân về thành Biên Hòa cố thủ và chống nhau với quân Pháp xâm lược.

Cuối thế kỷ 19, thực dân Pháp bắt đầu công cuộc khai thác thuộc địa. Tại Biên Hòa, chúng mở đường sắt Sài Gòn - Nha Trang ngang qua thành phố Biên Hòa (1901); quốc lộ 15 (1902); xây cầu Rạch Cát, cầu Gành qua sông Đồng Nai (1903), lập trạm bưu

chính, nhà máy cấp nước, tinh lỵ. Biên Hòa ngày càng được mở rộng và có vị trí quan trọng về kinh tế, chính trị trong khu vực.

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, thị xã Biên Hòa là cửa ngõ vào Sài Gòn, lại cách căn cứ địa chiến khu Đ chỉ 5 km đường chim bay nên bị kẻ thù kìm kẹp rất chặt. Thị xã Biên Hòa được chúng lấy làm nơi đặt các cơ quan chỉ huy, các căn cứ quân sự, kho tàng phục vụ cho việc đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông Nam bộ. Đặc biệt trong chống Mỹ, địch xây dựng, phát triển mở rộng thị xã Biên Hòa đặt nhiều cơ quan chỉ huy quan trọng như Bộ tư lệnh quân đoàn 3, Nha cảnh sát miền Đông, Bộ tư lệnh hậu cần số 1 Mỹ, Bộ tư lệnh 2 dã chiến Mỹ (Long Bình), các căn cứ quân sự lớn như sân bay Biên Hòa, tổng kho liên hợp Long Bình, căn cứ sư đoàn 101 “Anh cả đỏ” Mỹ tại Hóc Bà Thức (nay thuộc phường Trảng Dài).

Với cách mạng, thị xã Biên Hòa là vùng đô thị bị địch tạm chiếm. Đánh vào các cơ quan, căn cứ địch trong thị xã là một nhiệm vụ rất quan trọng nhằm làm cho địch luôn luôn bị động đối phó và không còn coi nơi nào là chỗ đóng quân an toàn của chúng. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa, Tỉnh ủy Biên Hòa đã chỉ đạo lực lượng bám vùng ven, mở các lớp huấn luyện quân sự, chính trị tại Trại du kích Vĩnh Cửu, xây dựng các căn cứ du kích ở Bình Đa, Hố Cạn... làm nơi đứng chân để tiến công địch trong nội ô và giữ hành lang giao liên về chiến khu Đ, xuống tuyến biển Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trong chống Mỹ, từ năm 1965, Trung ương Cục miền Nam đã chuyển thị xã Biên Hòa thành một đơn vị chiến trường tương đương cấp tỉnh, xây dựng lực lượng vũ trang và phong trào quần chúng mạnh tạo thành vành đai đánh Mỹ, tiến công vào các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự, diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh của Mỹ - ngụy, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền Nam.

* *

*

Đội ngũ giai cấp công nhân thành phố Biên Hòa xuất hiện khá sớm đi đôi với việc thực dân Pháp tiến hành công cuộc khai thác

tài nguyên thiên nhiên ở xứ thuộc địa, và trở thành giai cấp tiên phong trong các phong trào đấu tranh cách mạng khi có sự lãnh đạo của Đảng.

Đầu thế kỷ 20, khi thực dân Pháp xây dựng các tuyến đường bộ, đường sắt, bắc cầu qua các sông rạch trên tuyến sông Đồng Nai, thì đã có một tầng lớp công nhân ngành giao thông ra đời tại Biên Hòa.

Năm 1907, trên cơ sở nhà máy cưa xẻ gỗ do Blondel xây dựng ở làng Tân Mai năm 1898, Công ty kỹ nghệ rừng và lâm sản Biên Hòa (Exploitation forestière de la Biên Hoa industrielle et forestière) ra đời thu hút hàng trăm công nhân vào lao động. Sau đó, nhà máy đổi tên thành "Công ty Biên Hòa kỹ nghệ lâm sản" (Biên Hòa Industrillee forestière) gọi tắt là BIF chuyên sản xuất ván sàn, đồ mộc; là cơ sở công nghiệp đầu tiên có quy mô lớn được xây dựng ở Biên Hòa.

Sau hiệp định Genève (20-7-1954), chính quyền Sài Gòn xây dựng nhiều nhà máy sản xuất công nghiệp, nên đội ngũ giai cấp công nhân ở thành phố Biên Hòa càng phát triển. Năm 1959, hai cơ sở công nghiệp được xây dựng là nhà máy giấy Cogido ở ấp An Hảo (Tam Hiệp), nhà máy giấy Tân Mai (Cogivina) ở cạnh nhà máy cưa Tân Mai. Sau đó là hàng loạt nhà máy được tiếp tục xây dựng để hình thành khu kỹ nghệ Biên Hòa.

Tháng 5-1963, chính quyền Sài Gòn thành lập Công ty quốc gia khuếch trương khu kỹ nghệ (Sonadezi) để quy hoạch và quản lý khu kỹ nghệ Biên Hòa. Từ năm 1959 đến 1975, khu kỹ nghệ Biên Hòa có 42 nhà máy lớn, nhỏ được xây dựng, hoạt động.

Trước năm 1954, trên địa bàn thành phố Biên Hòa còn có đội ngũ công nhân cao su ở các đồn điền như Sở Ông Phủ (tức Võ Hà Thanh), sở trưởng Tòa (tức Trần Quang Nghiêm), sở Espinade (của một tư sản người Pháp)...

Biên Hòa xưa đã có những ngành nghề thủ công được nhiều nơi biết đến như mía đường, đá xây dựng, đá mỹ nghệ, gốm dân dụng và mỹ nghệ ở Tân Vạn, Hóa An, Bửu Long, Bửu Hòa...

Đội ngũ công nhân công nghiệp, công nhân đồn điền cao su, lao động tiểu và thủ công nghiệp vốn xuất thân từ nông dân và tổ

tiên họ đã đến Biên Hòa lập nghiệp từ thế kỷ 17, 18, vốn có truyền thống lao động cần cù, đấu tranh chống xâm lược và chống áp bức bóc lột. Đây cũng là đội quân chủ lực đứng lên giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám 1945 ở Biên Hòa. Trong hai cuộc kháng chiến, đây là lực lượng đóng góp nhiều sức người, sức của cho các lực lượng cách mạng đến ngày thắng lợi.

Thành phố Biên Hòa là vùng đất có truyền thống văn hóa khá đặc sắc, dung hòa được nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc từ những lớp cư dân Việt từ vùng Ngũ Quảng và Đàng Ngoài, kết hợp với văn hóa dân tộc Hoa và các dân tộc bản địa... tạo nên một sắc thái văn hóa mở chứ không khép kín.

Văn miếu Trấn Biên được chúa Nguyễn Phúc Chu xây dựng từ năm Ất Mùi 1715 ở thôn Tân Lại, Bạch Khôi (nay thuộc phường Bửu Long), một trong những văn miếu xây dựng sớm nhất ở Nam bộ. Đó là nơi đào tạo nhân tài, đồng thời là nơi giữ gìn gìn giữ mỗi văn hóa dân tộc. Hàng năm các chúa Nguyễn, các vị quan lại ở Trấn Biên đều đến Văn miếu tế cáo trời đất, cầu mưa thuận gió hòa, quốc thái dân an. Khi thực dân Pháp đánh chiếm Biên Hòa (tháng 12-1861), chúng đã phá hủy Văn miếu. Ngày nay, tỉnh và thành phố đang có kế hoạch khôi phục lại Văn miếu để đề cao truyền thống hiếu học, truyền thống "*uống nước nhớ nguồn*", "*tôn sư trọng đạo*" của dân tộc ta.

Từ 1813 đến 1864, trong các khoa thi Hương do triều đình Huế cho tổ chức ở Gia Định, trên đất Biên Hòa đã có 23 sĩ tử đỗ cử nhân, tú tài và được triều đình trọng dụng. Đặc biệt trong số này có Trịnh Hoài Đức (1765-1825), người sinh ra và lớn lên ở làng Bình Trước (Biên Hòa). Ông là một vị quan nổi tiếng thanh liêm, đồng thời là một nhà văn hóa lớn, cùng với Ngô Nhơn Tịnh, Lê Quang Định được xưng tụng là "*Gia Định tam gia*". Tác phẩm văn hóa, lịch sử "*Gia Định thành thông chí*" của ông là một trước tác có vị trí lớn trong văn học, sử học nước ta. Nhờ nó mà các thế hệ sau này hiểu biết được vùng đất Gia Định-Đồng Nai xưa và là một tác phẩm không thể thiếu cho những ai muốn tìm hiểu, nghiên cứu về vùng đất Nam bộ. Khi ông mất, linh cữu được đưa về chôn cất ở quê nhà. Lăng mộ ông hiện ở phường Trung Dũng (thành phố Biên Hòa), được Nhà nước xếp hạng di tích quốc gia.

Trường Mỹ nghệ thực hành Biên Hòa (École d'Art Appliqué) được xây dựng ở xã Bình Trước năm 1903, là nơi đào tạo rất nhiều nghệ nhân gốm, điêu khắc... ở Biên Hòa và các tỉnh miền Đông Nam bộ. Trường tiểu học tỉnh lỵ (sau đổi thành trường tiểu học Nguyễn Du) được xây dựng ở xã Bình Trước khoảng cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Năm học 1901-1902, trường có 182 học sinh.

Cùng với sự phát triển kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng cộng đồng, tín ngưỡng tâm linh ở thành phố cũng phát triển. Những di tích thắng cảnh, đình, chùa ở thành phố Biên Hòa là một biểu hiện sinh động khẳng định sự có mặt và vai trò của cộng đồng người Việt ở mảnh đất này. Nhiều di tích đã được Nhà nước xếp hạng di tích quốc gia.

Chùa Đại Giác ở làng Tân Hưng, huyện Phước Chánh (nay là xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa) do nhà sư Thành Đăng khai sơn khoảng năm 1658 và đã qua nhiều lần trùng tu. Tại chùa có một pho tượng Phật bằng gỗ cao 2,5 mét tương truyền của vua Gia Long phong cúng và tẩm biển đề ba chữ "Đại Giác Tự" treo trước mái hiên chùa, theo tương truyền do công chúa Ngọc Anh (em gái vua Gia Long) dâng cúng.

Chùa Long Thiên ở phường Bửu Hòa do nhà sư Thành Nhạ (đời thứ 32 phái Lâm Tế) khai sơn năm 1664. Chùa có ba lần trùng tu vào các năm 1748, 1842, 1952.

Chùa Bửu Phong tọa lạc trên ngọn núi cùng tên, do nhà sư Thành Chí khai sơn vào khoảng thế kỷ 17. "Gia Định thành thông chí" mô tả: "*Núi Bửu Long phía tây ngó xuống Đại giang, hồ vệ phía sau núi Long ẩn, suối hàn tắm nhuần, dẫn tưới ruộng nương. Trên núi có chùa Bửu Phong, phía tả có đá Long Đầu đứng sừng, phía hữu có đá thiên sàng la liệt, khói mây man mác, cây cối xúm xuê. Văn nhân nghiêng bầu vịnh giai tiết, mỹ nữ nối gót đến hành hương, thật là đệ nhất thắng cảnh của trấn thành vậy*".

Chùa Hộ quốc quan ở phường Tân Vạn do Chánh suất thống Nguyễn Cửu Vân xây dựng năm 1734. Dấu tích xưa hiện còn tấm biển ngạch "*Sắc tứ Hộ quốc tự*" do chúa Nguyễn Phúc Trú (1725-1738) ban tặng.

Đình Bình Kính ở xã Hiệp Hòa, thờ thượng đẳng thần Nguyễn Hữu Cảnh. Đình được xây dựng khoảng cuối thế kỷ 18, nhiều lần được trùng tu. Đây là nơi thần dân Biên Hòa lập ra để tưởng nhớ công ơn bậc "khai quốc công thần" có công khai mở vùng đất mới phương Nam Tổ quốc. Đình hiện còn lưu giữ bộ áo mào, tương truyền là của Đức Ông lúc sinh thời.

Đình Tân Lân ở phường Hòa Bình. Nguyên trước là ngôi miếu nhỏ, sau trùng tu thành ngôi đình lớn để ngưỡng vọng Đô đốc tướng quân Trần Thượng Xuyên, người có công trong việc mở mang Cù lao Phố thế kỷ 17, 18. Kiến trúc đình uy nghiêm, bên trong chạm trổ tinh vi, nóc đình gồm những tượng gốm thể hiện được sự tài hoa của những nghệ nhân đất Biên Hòa.

Đình Mỹ Khánh ở phường Bửu Hòa. Nguyên trước là miếu thờ "thành hoàng bốn cảnh". Khi danh tướng Nguyễn Tri Phương hy sinh, nhân dân đã tạc tượng đưa vào thờ tại đình và được gọi là đình thờ Nguyễn Tri Phương.

Ngoài những đình, chùa được nhiều người biết đến, thành phố Biên Hòa còn nhiều di tích văn hóa, di tích lịch sử, cách mạng được Nhà nước xếp hạng cấp quốc gia:

Di tích lăng mộ Trịnh Hoài Đức ở phường Trung Dũng, là nơi yên nghỉ của danh nhân văn hóa Trịnh Hoài Đức. Lăng mộ được xây dựng theo lối kiến trúc cổ, có bờ thành bao bọc xung

quanh, cửa vào có trụ búp sen, đặt bình phong án.

Di tích mộ, đền thờ Đoàn Văn Cự (ở phường Long Bình Tân và Tam Hiệp) để ngưỡng vọng ông Đoàn Văn Cự, người lãnh đạo hội kín chống Pháp ở Biên Hòa trong những năm đầu thế kỷ 20, đã cùng 16 nghĩa binh hy sinh ở Bưng Kiệu năm 1905.

Di tích Đài Kỷ niệm ở phường Trung Dũng. Đài do thực dân Pháp xây dựng năm 1923 với tên gọi "Đài kỷ niệm người Việt trận vong". Trong tác phẩm "*Bản án chế độ thực dân Pháp*", Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo tội ác và chính sách mị dân của thực dân Pháp khi đưa thanh niên bản xứ sang Pháp để chết thay cho chúng trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918). Đây là di tích tố cáo tội ác của thực dân Pháp ở Biên Hòa. Di tích là một công trình độc đáo với những tượng gốm "long lân chào tứ phương" hài hòa do

nghệ nhân Biên Hòa sáng tạo nên. Ngày nay, di tích được trùng tu, trở thành một công viên văn hóa của thành phố.

Thành Biên Hòa được xây dựng vào thời vua Gia Long thứ 15 (1816) ở hạt Tân Lân, huyện Phước Chánh, nay thuộc phường Hòa Bình với tên gọi "thành Cựu". *Gia Định thành thông chí* cho biết : "Chu vi thành dài 388 trượng, cao 8 thước 5 tấc, dày 1 trượng. Xung quanh thành có hào rộng 4 trượng, sâu 6 thước. Thành có 4 cửa và một kỳ đài, ở mỗi cửa đều có một cầu đá bắc qua để đi lại...". Năm 1837, vua Minh Mạng cho xây lại bằng đá ong và đổi tên là thành Biên Hòa. Thành là nơi Nguyễn Tri Phương đóng quân để chống quân Pháp khi chúng tiến đánh Biên Hòa. Ngày 16-12-1861, giặc chiếm thành, chúng tu bổ và thu hẹp lại so với trước. Di tích còn lại chỉ là những bức tường thành đá ong đỏ mà nhân dân gọi là "thành Cựu", "thành Kèn" hay "thành Săng đá".

Các di tích cách mạng ở thành phố Biên Hòa như: *Tòa bố* (nay là trụ sở ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai), nơi nhân dân Biên Hòa được Đảng bộ Đảng Cộng sản lãnh đạo giành chính quyền trong ngày 26-8-1945. *Quảng trường Sông Phố*, nơi diễn ra cuộc mít tinh lớn của nhân dân Biên Hòa chào mừng chính quyền tỉnh ngày 27-8-1945. *Bửu Hưng tự*, nguyên là ngôi miếu thờ 9 vị hào kiệt lãnh đạo "Lâm Trung trại", bị thực

dân Pháp bắt đem ra tử hình năm 1916, nơi hội họp của nhiều đảng viên cộng sản Biên Hòa chuẩn bị giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám 1945. *Nhà hội Bình Trước*, nơi tổ chức cuộc hội nghị thành lập Tỉnh ủy lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Biên Hòa vào cuối tháng 9-1945 (nay là Nhà Truyền thống thành phố Biên Hòa)...

* *

*

Nhân dân thành phố Biên Hoà có truyền thống đấu tranh chống áp bức bóc lột, và sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Khi thực dân Pháp chiếm đóng Biên Hoà, triều đình Nguyễn đầu hàng giặc để cầu hoà, nhưng nhân dân địa phương đã hưởng

ứng theo ngọn cờ khởi nghĩa của Trương Định kháng chiến liên tục từ 1861-1865.

Những năm đầu thế kỷ 20, nhiều phong trào hội kín xuất hiện ở Biên Hòa. Tiêu biểu như hội kín do cụ Đoàn Văn Cự lãnh đạo, quy tụ hàng trăm nghĩa binh chuẩn bị khởi nghĩa. Việc không thành, ông và 16 nghĩa binh anh dũng hy sinh ở căn cứ Bưng Kiệu năm 1905.

Trại Lâm Trung cũng là một tổ chức hội kín của nhân dân chống Pháp ở Biên Hòa do những người yêu nước, vũ dũng lãnh đạo. Trại tập hợp được đông đảo quần chúng có vũ trang. Năm 1916, Trại tổ chức đánh một số nhà làng (trụ sở tề xã), giải thoát nhiều thanh niên bị thực dân Pháp bắt đi lính; tấn công khám đường Biên Hòa, tòa bố Biên Hòa. Giặc Pháp cho mật thám theo dõi, lần lượt bắt 9 người lãnh đạo của Trại, đưa ra xử bắn tại Dốc Sỏi. Nhân dân Biên Hòa khâm phục trước khí khái bất khuất của chín người hào kiệt nên đã lập miếu thờ tại nơi các vị bị kẻ thù sát hại. Ngôi miếu ấy được nhân dân gọi là miếu Cô hồn, về sau đổi lại thành “Bửu Hưng Tự” (ở phường Quang Vinh).

Trong suốt 30 năm chiến tranh giải phóng, nhân dân thành phố Biên Hòa tuy sống trong vùng địch kiểm soát, bị kìm kẹp nặng, vẫn một lòng hướng về cách mạng. Từ trong nội thành, nhân dân thành phố đã vận động quyên góp nhiều lương thực, thuốc men, hàng hóa cần thiết để chuyển ra các căn cứ kháng chiến Bình Đa, Hồ Cạn, chiến khu Đ cho lực lượng kháng chiến. Bên trong nội ô, nhiều cơ sở cách mạng đã theo dõi nắm tình hình địch, phục vụ cho lực lượng vũ trang giải phóng đánh vào các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự của địch. Trận tiến công tỉnh lỵ Biên Hòa đêm 1 rạng sáng 2- 1-1946, là trận đầu tiên ta tập kích vào một tỉnh lỵ ở miền Đông Nam bộ. Trận La Ngà (1-3-1948), cơ sở quân báo trong thị xã cung cấp nhiều tin tức về địch, góp phần làm nên thắng lợi.

Trong thời kỳ chống Mỹ, quân dân thành phố Biên Hòa đã làm nên những dấu son trong lịch sử với những sự kiện tiêu biểu: Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp (2-12-1956); trận diệt Mỹ đầu tiên ở Nhà Xanh (7-7-1959); trận pháo kích đầu tiên vào sân bay quân sự của địch ở Biên Hòa (31-10-1964); xây dựng “vành đai

đánh Mỹ” để bám trụ và liên tục tấn công các cơ quan chỉ huy, căn cứ, kho tàng quân sự như: Sân bay Biên Hoà, tổng kho Long Bình (từ 1965-1975); thực hiện hai cuộc tiến công nổi dậy xuân Mậu Thân 1968, xuân Kỷ Dậu 1969, và cuối cùng tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giải phóng thành phố, giải phóng miền Nam, cùng cả nước giành thắng lợi hoàn toàn, thống nhất đất nước.

PHẦN I
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM
(1930-1945)

CHƯƠNG I

TỪ CƠ SỞ ĐẢNG CỘNG SẢN ĐẦU TIÊN, PHONG TRÀO CÁCH MẠNG ĐƯỢC NHEN NHÓM VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỊ XÃ BIÊN HÒA

(1930 - 1939)

I. NHỮNG NĂM ĐẦU GIEO MẦM CÁCH MẠNG - CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, CƠ SỞ CÁCH MẠNG RA ĐỜI.

Từ những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, đất nước ta hoàn toàn rơi vào tay thực dân Pháp xâm lược. Không cam chịu nỗi nhục mất nước và kiếp đời nô lệ, cùng với cả nước, nhân dân thành phố Biên Hòa (bấy giờ là quận Châu Thành) đã liên tục nổi dậy đấu tranh chống bọn thực dân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước. Thế nhưng, những cuộc khởi nghĩa, các phong trào đấu tranh của nhân dân ta từ những năm 20 (thế kỷ XX) trở về trước đều lần lượt thất bại, bị chìm trong máu và nước mắt. Cả dân tộc ta vẫn đắm chìm trong màn đêm tăm tối. Con đường cách mạng vẫn mờ mịt chưa có lối đi.

Trong bối cảnh lịch sử đó, ngày 5 tháng 6 năm 1911, từ bến cảng Nhà Rồng (Sài Gòn) người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành (với tên là anh Ba) làm phụ bếp trên tàu La Tút-sơ Tờ-rê-vin (laTouche Tréville) đã giã từ đất nước thân yêu, ra đi tìm đường cứu nước.

Bằng ý chí, nghị lực, lý tưởng giải phóng dân tộc và thiên tài trí tuệ của mình, Nguyễn Tất Thành tức là Nguyễn Ái Quốc, là Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã vượt qua muôn ngàn khó khăn gian khổ để thực hiện hoài bão của mình.

Ngày 16-7-1920, lần đầu tiên trên đất Pháp, Người đã đọc bản luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa “...Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đày đọa đau khổ: Đây là các cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta...”⁽¹⁾

¹ Hồ Chí Minh tuyển tập. NXB. Sự Thật, Hà Nội 1960, trang 704

Ngày 29-12-1920 tại thành phố Tua (nước Pháp), Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam đầu tiên tham gia Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp.

Từ đây, Người ráo riết hoạt động truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, tích cực chuẩn bị thành lập các tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản để lãnh đạo Cách mạng Việt Nam đấu tranh giành độc lập tự do dân tộc.

Tháng 11-1924, Nguyễn Ái Quốc bí mật trở về Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây, Người đã vận động, tập hợp thiếu thanh niên tiên bộ từ trong nước sang, mở lớp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Giữa năm 1925, tổ chức "*Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*" được thành lập. Hàng chục chiến sĩ cách mạng hội viên "*Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*" sau khi dự các khóa huấn luyện đã trở về nước hoạt động, trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là khối công nông, xây dựng cơ sở cách mạng khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam.

Tháng 10-1926, Nguyễn Ái Quốc cử các đồng chí Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi bí mật về Sài Gòn gây dựng cơ sở, tổ chức "*Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*" ở Nam bộ. Trước đó đồng chí Tôn Đức Thắng, một chiến sĩ cách mạng kiên cường, người đã kéo lá cờ đỏ búa liềm trên chiến hạm Pháp thuộc hạm đội Hắc Hải (năm 1919) phản đối liên quân các nước đế quốc bao vây tiêu diệt Liên Xô, nhà nước công nông đầu tiên trên thế giới. đã bí mật thành lập tổ chức Công hội đỏ tại một số nhà máy, xí nghiệp ở Sài Gòn - Chợ lớn, hạt nhân của phong trào và tổ chức cách mạng.

Sau khi bắt liên lạc và nhận tổ chức Công hội đỏ vào tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên, Kỳ bộ Việt Nam cách mạng thanh niên Nam kỳ được thành lập. Mạng lưới cơ sở phát triển nhanh chóng ở hầu khắp các tỉnh Nam bộ. Đến đầu năm 1928 đã kết nạp được hơn 500 hội viên.

Tỉnh Biên Hòa nói chung và tỉnh lỵ (nay là thành phố Biên Hòa) nói riêng là một trong những khu vực mà ngay từ đầu các đồng chí đã quan tâm xây dựng cơ sở bí mật gieo mầm cách mạng.

Nơi đây tập trung khá nhiều nhà máy, xí nghiệp và đồn điền cao su. Nhà máy cưa BIF. Đè pô xe lúa Dĩ An, đồn điền cao su Phú

Riềng, Cam Tiêm, An Lộc... lúa bấy giờ là những cơ sở công nông nghiệp quy mô khá lớn với một đội ngũ công nhân đông đảo, có nơi lên đến hàng ngàn người.

Từ Sài Gòn, một số đồng chí được cử về Biên Hòa tuyên truyền vận động cách mạng, xây dựng cơ sở trong các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là trong công nhân và thanh niên học sinh.

Từ năm 1928 trở đi, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Sôi nổi nhất là phong trào đấu tranh của công nhân. Ngày 20-9-1928, hàng trăm công nhân cao su đồn điền Cam Tiêm đã đồng loạt bãi công, đưa yêu sách đòi bọn chủ tư bản thực dân phải thực hiện đầy đủ những điều trong các khế ước giao kèo (công tra) mà họ đã ký với chủ sở khi mới đến làm việc ở đồn điền. Cuộc đấu tranh đã làm xôn xao dư luận trong và ngoài nước, đã tác động trực tiếp đội ngũ công nhân lao động ở Biên Hòa. Năm 1929, các đồng chí Ngô Gia Tự, Châu Văn Liêm, Nguyễn Xuân Cừ, Nguyễn Đức Văn, Trần Thị Đây, Lê Quang Sung... bí mật về hoạt động, tổ chức mạng lưới cơ sở Đảng ở Biên Hòa. Ngày 28-10-1929, chi bộ Đông Dương cộng sản Đảng được thành lập ở đồn điền cao su Phú Riềng, Đây là chi bộ Đảng đầu tiên ở Biên Hòa (Phú Riềng bây giờ thuộc tỉnh Biên Hòa).

Cùng với Phú Riềng, một số cơ sở Đảng ở các nơi khác trong tỉnh cũng được tổ chức thành lập trong những tháng cuối năm 1929 đầu năm 1930 như nhà máy cưa BIF, Đền pô xe lúa Dĩ An.

Ngày 3-2-1930, tại Hương Cảng (Trung Quốc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc với tư cách là đại diện quốc tế công sản đã chủ trì Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản trong nước là **Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng và Đông Dương cộng sản liên đoàn, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.**

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam.

Các tổ chức cơ sở Đảng ở Nam bộ cũng nhanh chóng được hợp nhất. Ban lâm thời chấp ủy của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Nam kỳ được thành lập do đồng chí Ngô Gia Tự làm Bí thư.

Ngay trong ngày thành lập Đảng 3-2-1930, dưới sự lãnh đạo của chỉ bộ Đông Dương cộng sản Đảng, hơn 5.000 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng (Biên Hòa) đã nổi dậy bạo động đấu tranh. Đây là một trong những cuộc đấu tranh lớn của giai cấp công nhân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, mở đầu cho cao trào cách mạng 1930-1931 của nhân dân ta khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam. Do chưa có kinh nghiệm hoạt động bí mật, quá say sưa với thắng lợi bước đầu, bọn mật thám đã nắm được danh sách hầu hết những cán bộ công nhân cốt cán của phong trào và lần lượt bố ráp bắt hơn 100 người, trong đó có cả các đồng chí đảng viên như đồng chí Bình, Tạ, Hồng, Hòa đưa về đề lao Biên Hòa giam giữ. Cuộc đấu tranh của công nhân cao su lại tiếp tục diễn ra sôi động ở đề lao và tòa án Biên Hòa

Ở nhà lao, anh em đã tuyệt thực, hò hét, phản đối, vạch trần tội ác của bọn thực dân đế quốc làm náo động cả thị xã Biên Hòa.

Sau một thời gian giam giữ tra tấn dã man, thực dân Pháp mở phiên tòa xét xử những người tham gia đấu tranh. Các đồng chí đảng viên cộng sản: Trần Tử Bình, Nguyễn Mạnh Hồng, đồng chí Tạ, đồng chí Doanh... đã dũng cảm tố cáo những âm mưu, thủ đoạn đàn áp bóc lột công nhân của bọn chủ tư bản đồn điền và thực dân xâm lược với những lý lẽ đanh thép, hùng hồn. Tư thế vững vàng bất khuất của họ đã tạo được uy tín và tiếng vang lớn, tác động mạnh mẽ đến phong trào đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân, lao động ở thị xã Biên Hòa và nhiều nơi khác, nhất là các đồn điền cao su ở miền Đông Nam bộ.

Ở thị xã Biên Hòa, trong cao trào cách mạng chung của cả nước, nhiều thanh niên trí thức tiến bộ đã nhanh chóng tiếp thu tư tưởng mới, ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số sớm giác ngộ đã đứng vào hàng ngũ của Đảng, làm người chiến sĩ tiên phong đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc như các đồng chí: Nguyễn Văn Nghĩa (tự Xước), Lưu Văn Viết (Tư Chà), Phạm Văn Khoai, Quách Tỷ, Quách Sanh Trần Bùi...

Đặc biệt ở 2 cơ sở công nghiệp lớn lúc bấy giờ là nhà máy cưa BIF ở nội ô thị xã Biên Hòa và Đề pô xe lửa Dĩ An cách thị xã Biên Hòa không xa (khoảng 4 km), mạng lưới cơ sở Đảng và phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân phát triển mạnh.

Các đồng chí Châu Văn Liêm, Phạm Hữu Lầu, Nguyễn Trọng Nhã được Đảng bố trí vào làm công nhân ở các nơi này để xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, lãnh đạo công nhân đấu tranh.

Tại nhà máy cưa BIF, tổ chức Công hội đỏ được thành lập, kết nạp được hàng chục công nhân cốt cán. Các đồng chí Nguyễn Trọng Nhã, Nguyễn Văn Hợp (quê Nghệ Tĩnh, thư ký hăng cưa)... bằng nhiều hình thức đã bí mật tuyên truyền giác ngộ cho anh em công nhân nhà máy cũng như một số thanh niên lao động, nông dân ở các xóm ấp lân cận như Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thi...

Cũng xuất phát từ các cơ sở công nghiệp này, một số cuộc đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở thị xã Biên Hòa diễn ra khá sôi động trong những tháng đầu năm 1930.

Đêm 28-4-1930, hàng trăm tờ truyền đơn được đánh máy và in thạch (xu xoa) với nội dung kêu gọi thợ thuyền và dân cày đoàn kết đứng dậy đấu tranh chống các chính sách bóc lột, đàn áp của thực dân Pháp và bè lũ tay sai như đòi bãi bỏ chế độ bắt dân đi làm xấu, đòi giảm bớt sưu cao thuế nặng, được rải ở nhiều khu vực trong thị xã Biên Hòa, nhiều nhất là tuyến đường từ ấp Tân Mai đến cửa hăng cưa BIF và ga xe lửa Biên Hòa. Các anh Nguyễn Văn Hợp, Nguyễn Văn Hật... (công nhân BIF), anh Tư Giáp (nông dân ấp Tân Mai) đã bí mật vận động quyên góp tiền bạc trong công nhân và nhân dân quanh vùng để mua giấy, mực in truyền đơn, đồng thời tổ chức thăm viếng, giúp đỡ những gia đình công nhân, nhân dân lao động gặp khó khăn hoạn nạn. Những nghĩa cử đó đã tạo được mối quan hệ giữa anh chị em công nhân trong nhà máy, cũng như nhân dân lao động các xóm ấp lân cận ngày càng thâm tình, cảm thông nhau nhiều hơn. Uy tín của các đồng chí cán bộ cơ sở cách mạng cũng được nâng lên.

Nhân ngày Quốc tế lao động 1-5-1930, toàn bộ công nhân hăng cưa BIF và Đền pô xe lửa Dĩ An đã nhất loạt đình công với các yêu sách: Ngày làm 8 giờ, không được cúp phạt, đánh đập công nhân, không được bắt công nhân làm việc ngày chủ nhật. Cuộc đấu tranh của công nhân tuy không đạt được kết quả hoàn toàn như nội dung yêu sách đã đề ra nhưng bọn chủ không dám đàn áp. Chúng hứa hẹn không để cho bọn tay chân đánh đập hành hạ anh chị em, đồng thời hạn chế bắt công nhân làm việc trong ngày chủ nhật.

Từ tháng 5 đến tháng 9 năm 1930, cơ sở Đảng ở nhà máy cưa BIF tiếp tục tổ chức một số cuộc đình công rải truyền đơn kêu gọi công nhân, nông dân đoàn kết đấu tranh, kêu gọi nhân dân ủng hộ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Đêm 2-7-1930, công nhân tổ chức rải truyền đơn và treo cờ đỏ búa liềm trên tháp nước BIF để chào mừng sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. đồng thời ủng hộ đòi trả tự do cho hơn 100 công nhân đồn điền cao su Phú Riềng sau cuộc đấu tranh ngày 3-2-1930 bị giặc Pháp bắt về giam giữ ở đê lao Biên Hòa. Cuộc đấu tranh này đã tác động mạnh mẽ đến các tầng lớp nhân dân thị xã Biên Hòa, nhất là công nhân ga xe lửa, công nhân cao su đồn điền Phủ Thanh ở Tân Phong, nông dân các ấp Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị... Bà con ngày càng nhận thức rõ hơn là không thể mãi hoài cam chịu cuộc đời nô lệ của người dân mất nước, mà phải vùng dậy đấu tranh. Mặt khác, họ cũng tận mắt chứng kiến cách mạng đã đến với nhân dân Biên Hòa, nó đã không còn là chuyện bên Nga, bên Tàu, hoặc ở miền Bắc, miền Trung xa xôi nữa. Phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đã được nhen nhóm và phát triển ngay trên mảnh đất quê hương mình.

Hoảng sợ trước làn sóng cách mạng đang dâng lên ngày càng mạnh mẽ khắp nơi trong toàn quốc, thực dân Pháp và bè lũ tay sai đã điên cuồng tập trung mọi lực lượng khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta. Chúng thẳng tay tàn sát dã man những chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước. Từ tháng 10-1930, nhiều cơ sở Đảng ở Nam bộ bị vỡ, nhiều đảng viên ưu tú bị giặc giết hại, tù đày.

Đến tháng 5-1931, hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng, kể cả đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú đều bị giặc bắt, Xứ ủy Nam kỳ cũng không còn.

Tại Biên Hòa, giặc Pháp đã tung bọn mật thám ngày đêm ráo riết dò la, bám sát các nhà máy, đồn điền cao su, các xóm ấp để truy tìm, lùng bắt cán bộ cách mạng. Do chưa có kinh nghiệm hoạt động bí mật, đến cuối tháng 10-1930, số cơ sở Đảng cốt cán ở nhà máy cưa BIF đều bị giặc bắt đày đi Côn Đảo. Các đồng chí đảng viên còn lại ở thị xã Biên Hòa hoàn toàn mất liên lạc với cấp trên, phải lánh đi nhiều nơi khác để tránh sự truy tìm, khủng bố của kẻ

thù. Phong trào cách mạng ở thị xã Biên Hòa bước vào giai đoạn “thoái trào”, tạm thời lắng xuống suốt trong một thời gian dài.

Từ cuối năm 1931 đến giữa năm 1933, Xứ ủy Nam kỳ được lập đi lập lại nhiều lần, nhưng tồn tại không được bao lâu chưa móc nối hoạt động với các địa phương thì đã bị tan vỡ. Đến tháng 5-1933, đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang) được cử làm Bí thư Xứ ủy và cử cán bộ về các tỉnh móc nối với các đồng chí đảng viên và cơ sở Đảng còn lại để khôi phục phong trào.

Ở Biên Hòa, sau một thời gian tạm lánh đi nơi khác để tránh địch lùng bắt, năm 1933, đồng chí Lưu Văn Việt (Tur Chà) trở lại quê hương tiếp tục xây dựng cơ sở, vận động cách mạng. Với chiếc xe đạp cũ kỹ, dưới lớp áo của người đi bán hàng rong, bán bánh mì dạo, đồng chí đã đi nhiều nơi trong tỉnh để bí mật tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, đường lối chủ trương giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp của Đảng, tập hợp quần chúng công nông đoàn kết đấu tranh. Tại nhà thương điên (Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa), đồng chí đã giác ngộ và kết nạp người em trai của mình là Lưu Văn Văn (Chín Văn) vào Đảng. Qua đồng chí Chín Văn, một số nhân viên khác ở bệnh viện Tâm thần cũng được tổ chức, xây dựng trở thành những cơ sở cảm tình của Đảng. Tại Bến Cá (quận Châu Thành), đồng chí cũng đã tuyên truyền vận động tổ chức được một số cơ sở cách mạng trong thanh niên học sinh, trong đó có đồng chí Huỳnh Văn Phan (Tur Phan) đã được kết nạp vào Đảng.

Đầu năm 1935, đồng chí Hoàng Minh Châu được liên Tỉnh ủy miền Đông cử về hoạt động ở Biên Hòa. Đồng chí đã xin vào làm thợ ở nhà máy cơ khí Trường Tiền (thị xã Biên Hòa). Từ đây đồng chí đã bước đầu xây dựng được một số cơ sở trong nhà máy, đồng thời thăm dò liên lạc với nhóm cơ sở Đảng do đồng chí Lưu Văn Việt đã tổ chức xây dựng trước đó. Sau khi đã móc nối và thống nhất lại với nhau, đồng chí Hoàng Minh Châu đã vận động thành lập chi bộ Đảng lấy tên là chi bộ Bình Phước - Tân Triều vào tháng 2-1935. Chi bộ do đồng chí Hoàng Minh Châu làm Bí thư, đồng chí Huỳnh Văn Phan (Tur Phan) Phó Bí thư và các đảng viên là : Lưu Văn Việt, Lưu Văn Văn, Quách Tỷ, Quách Sanh, Trần Minh Triết. Địa bàn hoạt động chủ yếu là khu vực thị xã và một số xã thuộc quận Châu Thành (huyện Vĩnh Cửu ngày nay).

Để phát triển phong trào, mở rộng hình thức tuyên truyền giác ngộ cách mạng trong tầng lớp thanh niên học sinh, chi bộ đã bí mật vận động thành lập "*liên đoàn học sinh*" ở trường tiểu học Bình Hòa (quận Châu Thành) thu hút được hàng chục học sinh tham gia. Thông qua hoạt động của tổ chức này, một số thanh niên học sinh ưu tú đã giác ngộ cách mạng và được kết nạp vào Đảng như các đồng chí: Phạm Văn Thuận, Huỳnh Dân Sanh, Huỳnh Văn Lũy.

Sự ra đời của chi bộ Đảng Bình Phước - Tân Triều và các tổ chức cách mạng của Đảng trên địa bàn quận Châu Thành, tỉnh Biên Hòa giữa năm 1935 đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng, một bước phát triển mới của phong trào cách mạng ở thị xã Biên Hòa nói riêng và tỉnh Biên Hòa nói chung.

II. PHONG TRÀO ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG SÔI NỔI CỦA NHÂN DÂN THỊ XÃ BIÊN HÒA TRONG THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG (1936 - 1939)

Tháng 4-1936, Mặt trận Bình dân Pháp, trong đó có Đảng Cộng sản là thành viên nòng cốt đã giành thắng lợi lớn trong cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội nước Pháp. Trên cơ sở đó, Chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp được thành lập và đề ra một số chủ trương tiên bộ đối với các nước thuộc địa. Diễn biến chính trị ở nước Pháp đã trực tiếp ảnh hưởng tác động đến phong trào cách mạng ở nước ta.

Ngày 26-7-1936, Trung ương Đảng họp hội nghị ở Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị đề ra sách lược chuyển hướng phương pháp, phương thức đấu tranh cách mạng trong thời kỳ mới, quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu "*Đánh đổ đế quốc Pháp*", "*Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày*". Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp mọi lực lượng dân chủ tiến bộ đấu tranh chống kẻ thù chủ yếu trước mắt là bọn phát xít Pháp và bọn phản động thuộc địa, đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện dân sinh.

Phương thức tổ chức đấu tranh có linh hoạt hơn là kết hợp giữa hình thức bí mật, công khai và bán công khai, phát huy mạnh mẽ các tổ chức hợp pháp nhằm tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân để tuyên truyền vận động, phát triển lực lượng cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng nhân dân khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam được phục hồi nhanh chóng và dâng lên ngày càng mạnh mẽ, mở đầu bằng phong trào vận động tổ chức Đông Dương Đại hội.

Ngày 26-7-1936, trên tờ báo Đấu tranh (La Lutte) phát hành tại Sài Gòn, ông Nguyễn An Ninh, một trí thức yêu nước nổi tiếng lúc bấy giờ: đã đăng lời kêu gọi cổ động thành lập ủy ban trù bị tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội. Lời kêu gọi được các tầng lớp quần chúng nhân dân và tổ chức chính trị xã hội nhiệt liệt hưởng ứng.

Ngày 13-8-1936, Ủy ban trù bị Đông Dương Đại hội được thành lập tại Sài Gòn và các ủy ban hành động cũng lần lượt được tổ chức ở khắp các tỉnh Nam kỳ.

Xứ ủy Nam kỳ và ủy ban trù bị Đông Dương Đại hội cử các đồng chí Dương Bạch Mai và Nguyễn Văn Nghĩa về Biên Hòa trực tiếp tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng ở địa phương.

Trở về Biên Hòa, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã móc nối liên lạc ngay với các đồng chí trong chi bộ Bình Phước - Tân Triều và một số đồng chí thân quen như: Huỳnh Văn lữ, Nguyễn Văn Ký, Phạm Văn Khoai, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Hai Đặng, Chín Văn... để tổ chức phát động phong trào đấu tranh cách mạng trong toàn tỉnh, trọng điểm là thị xã Biên Hòa và quận Châu Thành.

Ủy ban hành động tỉnh Biên Hòa được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa làm Chủ tịch. Trụ sở ủy ban đặt tại khách sạn Thanh Phong⁽²⁾. Ủy ban hành động quận Châu Thành và một số cơ sở nhà máy, làng xã như nhà máy cưa BIF, làng Tân Phong, xã Bình Trước cũng được thành lập và hoạt động công khai.

Từ tháng 9 năm 1936, phong trào cách mạng dấy lên khắp các nơi trong tỉnh, mạnh mẽ nhất là ở thị xã Biên Hòa (xã Bình Trước) và một số xã lân cận thuộc quận Châu Thành như Bình Phước, Bình Ý, Bình Thạnh... Các ủy ban hành động của nhà máy cưa BIF, với xe lô, giới giáo chức... có nhiều hoạt động sôi nổi. Hàng ngàn truyền đơn, lời hiệu triệu, cương lĩnh hành động được

² Nay thuộc phường Hoà Bình, thành phố Biên Hoà

in ấn để tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Cơ sở Đảng ở nhà máy cưa BIF đã bí mật tổ chức in hàng trăm truyền đơn với nội dung tố cáo tội ác và hành động bóc lột của chủ hãng, đòi lập nghiệp đoàn, đòi tăng lương, giảm giờ làm, kêu gọi công nhân đoàn kết đấu tranh. Nhiều cuộc mít tinh được tổ chức do các đồng chí Dương Bạch Mai, Nguyễn Văn Nghĩa trực tiếp diễn thuyết. Tại rạp hát Trần Điền (thị xã Biên Hòa) trước hàng trăm quần chúng nhân dân, đa phần là nhân dân và thanh niên học sinh, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa đã trình bày mục đích, ý nghĩa của phong trào Đông Dương Đại hội, đồng thời phát động quần chúng tham gia các hoạt động đấu tranh, gia nhập các hội đoàn, soạn thảo các bản "dân nguyện", nêu lên những kiến nghị, những yêu cầu bức xúc về các quyền lợi dân sinh dân chủ của mỗi ngành, mỗi giới để tập hợp gọi cho phái đoàn thanh tra của chính phủ Pháp.

Đồng thời với các hoạt động mít tinh, tuyên truyền, hàng chục hội đoàn phổ biến là các Hội Ái hữu, Hội tương tế, Hội nhà vàng, Hội chùa, Hội miếu, Hội đá bóng, Hội lân, Hội cày, Hội cấy... được tổ chức nhiều nơi ở quận Châu Thành, thu hút hàng ngàn người tham gia. Ở làng Tân Phong, các ông Nguyễn Văn Do (Năm Võ), Tư Mọi, Ba Niên, Tám Lộc, Ba Sen và một số thanh niên tích cực như : Trần Văn Nghĩa, Ba Bò, Tư Hóa, Năm Hoạch, Sáu Xang..., đã đứng ra tập hợp quần chúng nhân dân vào tổ chức hội tương tế như Hội cúng miếu, Hội cúng chùa, Hội vận công cày cấy, vận động cả làng ký tên vào bản kiến nghị gửi chánh tham biện tỉnh Biên Hòa, yêu cầu giảm một số thuế và bỏ hẳn những thứ thuế vô lý. Cùng với làng Tân Phong, một số xã khác thuộc quận Châu Thành như: Bến Gỗ, Bình Hòa, Bình ý... cũng nhất loạt làm đơn đấu tranh đòi giảm sưu, giảm thuế. Do vậy, ít lâu sau, nhà cầm quyền thực dân sức giấy gọi về hương chức các làng bãi bỏ bớt thuế nhà, thuế trâu bò, thuế xe bò... là những thứ thuế bất hợp lý. Chúng vẫn giữ nguyên mức thuế thân và thuế điền thổ.

Ở trung tâm thị xã Biên Hòa, nhiều hội đoàn của các tầng lớp lao động cũng nhanh chóng được thành lập như Hội ái hữu các ngành: thợ mộc, thợ hồ, thợ hớt tóc, chị em tiểu thương... Đặc biệt, hoạt động mạnh mẽ nhất là Hội ái hữu giáo chức do ông Hồ Văn Thê làm hội trưởng, Hội ái hữu công nhân hãng BIF, Hội ái hữu công nhân ga xe lửa Biên Hòa... thu hút được hàng trăm hội viên

tham gia. Thông qua những tổ chức công khai hợp pháp này, Đảng đã tập hợp được hàng ngàn quần chúng ở thị xã, xây dựng được một đội quân chính trị khá Đông đảo. Mặt khác, từ các hoạt động của phong trào đấu tranh, Đảng cũng đã bồi dưỡng phát triển được nhiều cơ sở cốt cán, nhất là trong tầng lớp công nhân lao Đông và thanh niên học sinh.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, khôi phục củng cố cơ sở tổ chức Đảng ở các tỉnh, các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền cao su, cuối năm 1936, Liên Tỉnh ủy miền Đông cử đồng chí Trương Văn Bang (Ba Bang), nguyên Bí thư Xứ ủy Nam kỳ (1933 - 1935) và đồng chí Cao Hồng Lãnh về Biên Hòa hoạt động, trực tiếp vận động thành lập Ban cán sự Đảng tỉnh Biên Hòa và xây dựng tổ chức một số chi bộ Đảng ở các địa phương trong tỉnh.

Đầu năm 1937, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Biên Hòa được thành lập do đồng chí Trương Văn Bang trực tiếp làm Bí thư. Các đồng chí Tỉnh ủy viên gồm Trần Minh Triết. Hành Văn Phan, Lê Văn Tôn, Huỳnh Văn Liễn. Nguyễn Hồng Kỳ ...

Từ đây, nhiều đồng chí đảng viên khác ở các nơi cũng lần lượt về Biên Hòa móc nối liên lạc hoạt động, tổ chức các chi bộ Đảng cơ sở. Tại nhà máy cưa BIF, 2 chi bộ Đảng được xây dựng. Mỗi chi bộ có 3 đảng viên. Chi bộ khối thợ máy do đồng chí Trần Hồng Đạo làm Bí thư và chi bộ lao động giản đơn do đồng chí Tư Ngàn làm Bí thư. Ở xã Bửu Long cũng hình thành được một chi bộ do đồng chí Tư Xí làm Bí thư. Chi bộ liên xã Tân Phong và Bình Ý cũng được thành lập. Phong trào cách mạng ở thị xã Biên Hòa, quận Châu Thành phát triển mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Các mặt hoạt động bí mật, công khai hợp pháp và bán hợp pháp có sự gắn kết khá đồng bộ.

Trước tình hình phong trào đấu tranh của quần chúng ngày càng mạnh mẽ và ảnh hưởng uy tín của Đảng ngày càng lan rộng khắp nơi trong nước, bọn phản động trong giới cầm quyền của thực dân Pháp đã nhanh chóng ra mặt chống phá phong trào Đông Dương Đại hội, phá phong trào cách mạng. Ngày 15-9-1936, chúng ra lệnh giải tán các ủy ban hành động, cấm tất cả các cuộc hội họp. mít tinh của nhân dân. Đông Dương Đại hội bị cấm, nhưng phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, phong trào cách

mạng không vì thế mà giảm sút, ngược lại, vẫn phát triển ngày càng mạnh mẽ với nhiều hình thức phong phú, quy mô các cuộc đấu tranh rộng lớn hơn.

Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ Đảng, các đồng chí đảng viên và cơ sở cốt cán, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của các tầng lớp nhân dân lao động ở Biên Hòa nổ ra liên tục mạnh mẽ, nhất là phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, điểm tập trung sôi động là nhà máy cưa BIF và ga xe lửa Biên Hòa. Các cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy cưa BIF đều xoay quanh 10 yêu cầu do ủy ban hành động của nhà máy đề ra trước đó :

- Đòi quyền được thành lập nghiệp đoàn và hội ái hữu.
- Đòi thi hành luật bảo hiểm xã hội.
- Đòi thi hành tuần lễ làm 40 giờ và tăng lương. - Đòi lập giao kèo công cộng.
- Đòi trả số lương bị sụt từ 3 năm nay.
- Mỗi năm nghỉ 15 ngày phép được hưởng lương.
- Cát nhà, bảo đảm điều kiện ăn ở và vệ sinh ở các khu vực rừng núi cho số công nhân khai thác nguyên liệu và trả tiền xúp (tức tiền làm thêm giờ) phải gấp đôi tiền lương.
- Thay chế độ trả lương ngày bằng trả lương hàng tháng
- Trừng phạt bọn gác dan, cặp rắng, xu, xếp... hung ác.
- Phát lương đúng kỳ và yêu cầu chấm dứt đánh đập, đối xử thô bạo với công nhân.

Trong 10 yêu cầu nêu trên, vấn đề đòi được thành lập tổ chức nghiệp đoàn nhà máy được đặt lên hàng đầu để tạo điều kiện tập hợp, phát huy sức mạnh đoàn kết đấu tranh của công nhân.

Ngày 18-9-1936, hơn 300 thợ máy cưa BIF nhất loạt đình công đòi tăng lương, đòi cai, xếp không được đánh đập thợ thuyền. Gần 2 tháng sau đó, ngày 15-11-1936 hơn 400 công nhân thuộc công ty Kỹ nghệ và lâm nghiệp Biên Hòa bao gồm các cơ sở ở Trảng Bom, Xuân Lộc đồng loạt bãi công phản đối chủ công ty bắt công nhân làm việc quá sức để bù vào những giờ bị giảm theo Nghị định ngày 11-10-1936, đồng thời yêu cầu tăng lương 30 xu

mỗi ngày. Ở nhà máy cưa (cơ sở ở Biên Hòa) anh chị em công nhân kéo đến văn phòng đưa yêu sách thì nhân viên ở đây báo rằng ráng đợi đến ngày thứ hai chủ sở đi Hà Nội về sẽ giải quyết. Anh chị em đồng lòng nhất loạt đình công, không làm việc, ở lại nhà máy và nhả người nhà mang cơm nước vào. Mấy ngày liền, công nhân nhà máy rộn rịp người lui tới đưa cơm, thăm hỏi, động viên. Một số báo chí ở Sài Gòn nhanh chóng đưa tin *'thợ thuyền nhà máy cưa BIF làm reo'*. Nhà chức trách Pháp đánh giá đây là *"cuộc bãi công chiếm xưởng"*. Chủ sở từ Hà Nội về hoảng sợ trước sự đoàn kết nhất trí của anh chị em thợ thuyền, vội nhân nhượng tăng lương 10 xu/ ngày. Thống đốc Nam kỳ Pa-giét (Pagès) đánh giá sự kiện bãi công của thợ máy cưa BIF là vô cùng nguy hiểm và có thể kích động các đồn điền, xưởng máy khác ở các nơi nơi theo.

Cũng trong thời gian này, hòa nhịp với phong trào đấu tranh của đội ngũ công nhân cao su trong tỉnh, công nhân sở cao su Phú Thanh ở Tân Phong cũng tổ chức đấu tranh đòi tăng lương, đòi chủ không được trả công bằng gạo mục, cá thối, buộc chủ sở (Độc phu sứ Đỗ Cao Thanh) phải nâng công cạo mủ mỗi ngày lên 4 cắc và trả hoàn toàn bằng tiền.

Cùng với những cuộc đấu tranh của công nhân các nhà máy, các đồn điền cao su, nông dân các xã thuộc quận Châu Thành, quanh khu vực thị xã Biên Hòa (Tân Phong, Bửu Long, Tân Mai, Bửu Hòa...) cũng liên tục đấu tranh đòi bãi bỏ thuế thân, giảm thuế điền, đòi bãi bỏ lệ làng khắc nghiệt, chống áp bức của bọn địa chủ, cường hào ác bá ở địa phương.

Qua phong trào đấu tranh, một số quần chúng nông dân tích cực giác ngộ được bí mật tập hợp trong các tiểu tổ Nông hội đỏ, một số thanh niên nông dân ưu tú được kết nạp vào Đảng. ở Tân Phong, các anh Sáu Xang, Tư Ngài được đồng chí Lưu Văn Văn (Chín Văn) tuyên truyền giáo dục và kết nạp vào Đảng cùng một lượt với các anh Tư Mơ, Tư Cu, Năm Nhị ở xã Bình Ý, hình thành liên chi bộ Đảng Bình Ý - Tân Phong.

Các tầng lớp lao động khác như giới lái xe lô, chị em tiểu thương cũng có nhiều hoạt động, đấu tranh đòi quyền lợi thiết thực cho ngành, giới của mình. Chị em buôn bán nhỏ ở chợ Biên Hòa

tập hợp làm đơn kiến nghị đòi giảm thuế hoa chi, phản đối những hành động thô bạo của một số cai thầu chợ.

Một trong những hoạt động sôi nổi nhất ở thị xã Biên Hòa phải kể đến lĩnh vực báo chí. Các loại (sách báo tiến bộ bằng tiếng Pháp và tiếng Việt như các tờ: La-văng gac (Lavant garde), Lơ póp (Le peuple), Lao động, Bạn dân, Nhành lúa, Tin tức, Thời thế... được phát hành công khai và rộng rãi ở nhiều nơi. Đặc biệt, từ khi tờ báo Dân chúng của Đảng ra đời đã tạo được tiếng vang lớn, thu hút được hàng ngàn độc giả nhất là công nhân, thanh niên học sinh ở thị xã Biên Hòa tìm đọc. Anh chị em công nhân dành một phần tiền lương ít ỏi của mình, các hội ái hữu trích một phần hội phí để mua báo, đồng thời ủng hộ tài chánh cho Đảng. Báo chí thực sự là món ăn tinh thần mà bao năm qua nhân dân ta khát khao chờ đợi. Nhiều người không biết chữ cũng bỏ tiền ra mua rồi nhờ người khác đọc giúp, giữ gìn cẩn thận, chuyền tay nhau để nhiều người cùng đọc. Tết năm 1937, theo sự chỉ đạo của các đồng chí trong ủy ban hành động của tỉnh, một quầy báo Xuân được mở ra ở chợ Biên Hòa. Ông Tư Lành và một số tài xế trong Hội ái hữu xe lô ủng hộ tiền vốn ban đầu. Quầy báo do các chị Sáu Hậu, chị Kim, anh Trần Búi, Tư Lũy, Tư Tân, Sáu Xang, anh Viện... thay nhau đứng bán. Nơi đây đã nhanh chóng trở thành điểm hội tụ hàng ngày của hàng trăm đồng bào các giới đến mua báo và mạn đàm, trao đổi những vấn đề "quốc sự". Cũng chính từ đây, đường lối, chủ trương của Đảng được phổ biến, tuyên truyền trong các tầng lớp nhân dân.

Cuối năm 1937, Đảng chủ trương phát động phong trào truyền bá chữ quốc ngữ nhằm góp phần nâng cao dân trí cho đồng bào, nhất là các tầng lớp nhân dân lao động. Phong trào được nhân dân thị xã Biên Hòa hưởng ứng nhiệt liệt. Chỉ trong vòng chưa đầy một tháng sau ngày phát động, hàng chục lớp "bình dân học vụ" đã được mở ra khắp các xóm ấp trong thị xã, thu hút hàng trăm người tham gia đủ mọi thành phần, mọi lứa tuổi. Đêm đêm, dưới ánh đèn dầu, xen lẫn bên những mái đầu xanh còn có những mái đầu bạc, ngồi chen chúc quanh những bộ bàn ghế đủ cở, kê tạm trong các gian nhà, chăm chú đánh vần, tập viết. Sau một thời gian ngắn 3, 4 tháng, nhiều người đã biết đọc, biết viết. Họ đã tự mình đọc được sách báo, đã ngậm nga được Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Thoại

Khanh Châu Tuấn... Các nhà giáo tiến bộ ở Biên Hòa như thầy Hồ Văn Thế, Hồ Văn Tam, Nguyễn Văn Nở, thầy giáo Toải... là những người đóng góp nhiều công sức cho phong trào. Các thầy đã không quản gian khổ mang hết tâm sức trí lực của mình phục vụ nhân dân, được bà con hết lòng tin yêu kính phục. Mặt khác, thông qua việc giảng dạy học tập, các thầy đã khơi gợi lòng yêu nước, truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc.

Những hoạt động cụ thể này phù hợp với tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân đã mang lại những hiệu quả thiết thực. Đảng đã tập hợp và xây dựng được một đội quân chính trị khá Đông đảo ở thị xã Biên Hòa, uy tín của Đảng ngày càng được nâng cao.

Trong các năm 1937, 1938, 1939, những cuộc đấu tranh của đội ngũ công nhân ở thị xã Biên Hòa vẫn tiếp tục diễn ra sôi động.

Ngày 28-5-1937, dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, toàn thể nam nữ công nhân nhà máy cưa BIF nhất loạt đấu tranh để phản đối cai, xu đánh đập thô bạo công nhân.

Ngày 18-11-1938, cũng tại thà máy cưa BIF, hơn 300 thợ đình công phản đối bọn chủ hãng giảm giá khoán cưa gỗ từ 1đồng/m³ xuống 0,60 đồng/m³. Cuộc đấu tranh thắng lợi tạo được niềm tin và khí thế phấn khởi không chỉ công nhân trong nhà máy, mà còn tác động đến các cơ sở khác trong toàn tỉnh như: Ga xe lửa Biên Hòa, cơ sở khai thác gỗ Trảng Bom, Đền pô xe lửa Dĩ An.

Để ủng hộ phong trào đấu tranh của công nhân xưởng đóng tàu Ba Son (sài Gòn), ngày 24 - 8 - 1939 (tức là ngày rằm tháng 7 âm lịch) lợi dụng dịp cúng cô hồn, các đồng chí đảng viên trong chi bộ nhà máy cưa BIF (Đạo, Thăng, Ảnh...) bí mật tổ chức một cuộc họp tại trạm bơm nhà máy gồm hơn 30 công nhân cốt cán với sự tham gia của đồng chí Đào Sơn Tây, đại diện Công hội đỏ xưởng Ba Son. Trong cuộc họp này, anh em đã bàn bạc phối hợp đấu tranh và tổ chức quyên góp tiền để ủng hộ các cuộc đấu tranh của công nhân xưởng Ba Son nói riêng và công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn nói chung. Sau cuộc họp, anh chị em công nhân nhà máy đã tự nguyện kẻ ít người nhiều, gom góp được một số tiền và bí mật chuyển về ủng hộ công nhân Ba Son đang bãi công, đấu tranh với chủ hãng, đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ. Tuy số tiền

quyên góp được không lớn nhưng đây là việc làm thiết thực biểu thị tình hữu ái giai cấp, tinh thần đoàn kết tương trợ trong đấu tranh giữa người anh em cùng chung cảnh ngộ, cùng chung lý tưởng.

Ngoài các cuộc đấu tranh bằng hình thức đình công, bãi công trong các ngày lễ Quốc tế Lao động 1 tháng 5, ngày kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười Nga 7-11... công nhân nhà máy cửa BIF, ga xe lửa Biên Hòa, Đề pô xe lửa Dĩ An, học sinh trường Bá nghệ Biên Hòa... đều tổ chức bí mật căng biểu ngữ, rải truyền đơn với các nội dung:

- Công nông binh liên hiệp đoàn kết đấu tranh chống áp bức cường quyền.

- Công nhân các nhà máy, xí nghiệp, đồn điền đình công đòi các quyền lợi thiết thân cho giai cấp mình.

- Hoan nghênh Cách mạng Tháng Mười Nga, ủng hộ Liên bang Xô Viết.

* * *

Phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân thị xã Biên Hòa trong những năm 1936 - 1939 diễn ra sôi động, rộng khắp và giành được những thắng lợi vô cùng to lớn.

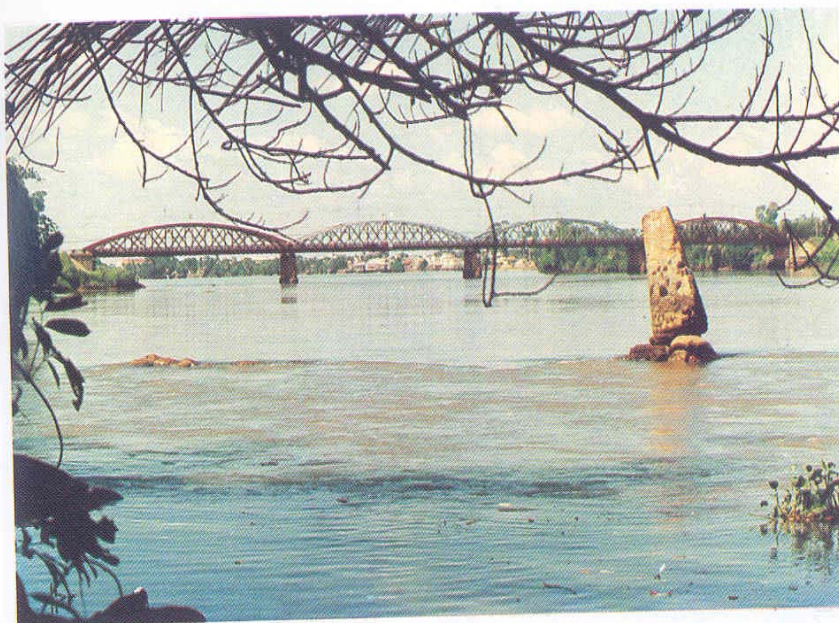
Qua phong trào, Đảng đã khơi dậy được tinh thần cách mạng, lòng yêu nước nồng nàn của các tầng lớp nhân dân. Từ đó, Đảng mở rộng tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, đường lối cách mạng của Đảng, xây dựng được một đội quân chính trị lớn mạnh trong công nhân, nông dân, trí thức, học sinh ở thị xã.

Bằng các hình thức hoạt động linh hoạt, phong phú, đa dạng, đáp ứng được những lợi ích, yêu cầu thiết thực của đại bộ phận quần chúng nhân dân, Đảng đã tạo được niềm tin, tạo được thế đứng trong lòng quần chúng.

Qua thực tiễn hoạt động, trình độ, chính trị và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên, đào tạo cho

Đảng một đội ngũ cán bộ trung kiên, giàu nghị lực, trong sáng về phẩm chất cách mạng, một lòng vì lợi ích của nhân dân lao động. Các đồng chí đảng viên như: Nguyễn Văn Nghĩa, Trương Văn Bang, Huỳnh Văn Phan, Huỳnh Văn Lũy, Phạm Văn Thuận, Hồ Văn Đại, Lưu Văn Viết, Lưu Văn Văn..., một số cán bộ phong trào như: Trần Bùi, thầy giáo Thê, thầy giáo Tam, thầy giáo Nở... được quần chúng nhân dân thị xã Biên Hòa tin yêu mến phục.

Những thành quả giành được trong cao trào cách mạng 1936 - 1939 của Đảng bộ và nhân dân thị xã Biên Hòa đánh dấu một bước phát triển quan trọng, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào đấu tranh cách mạng trong những năm kế tiếp, nhất là cao trào Tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng 8 năm 1945.



Cầu Gành (Bắc qua sông Đồng Nai) xây dựng 1901, khánh thành 1904.



*Đền thờ Thượng Đẳng thần
Lễ thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh (xã Hiệp Hòa).*



Nhà bia 300 năm vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai (xã Hiệp Hòa).



*Đài kỷ niệm (di tích quốc gia) Thực dân Pháp xây dựng năm 1923. Di tích tổ
cáo thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam trong thế chiến thứ I (1914 - 1918).*



*Tòa bố Biên Hòa (nay là UBND tỉnh Đồng Nai).
Nơi nhân dân Biên Hòa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám
(26 - 8 - 1945).*



*Quảng trường sông Phở.
Nơi diễn ra cuộc mít tinh ra mắt chính quyền cách mạng tỉnh Biên Hòa
(27- 8- 1945).*